

Số: 1327 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 20 tháng 6 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2014 trên địa bàn tỉnh**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 27/01/2014 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở;

Căn cứ Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2014 trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Công văn số 1495/STC-HCSN ngày 04/6/2014,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kinh phí phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2014 trên địa bàn tỉnh cho các đơn vị với tổng kinh phí là 2.341.722.000 đồng (Hai tỷ, ba trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm hai mươi hai ngàn đồng), cụ thể như sau:

STT	Đơn vị	Số tiền (1.000 đồng)
1	Sở Tư pháp	628.650
2	Sở Thông tin và Truyền thông	240.700
3	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	25.800
4	Sở Giáo dục và Đào tạo	157.817
5	Sở Nông nghiệp và PTNT	179.000
6	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	104.180
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	37.400
8	Ban Dân tộc	113.000
9	Ban Quản lý Khu kinh tế	97.905
10	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	65.340
11	Hội Nông dân tỉnh	75.350
12	Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh	81.900
13	Tinh đoàn (Trung tâm Hỗ trợ thanh niên công nhân)	135.000
14	Đài Phát thanh – Truyền hình Bình Phước	399.380

(Dự toán chi tiết của các đơn vị thực hiện theo Thuyết minh kinh phí chi tiết kèm theo Công văn số 1495/STC-HCSN ngày 04/6/2014 của Sở Tài chính)

Nguồn kinh phí: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế khác năm 2014 (Kinh phí tuyên truyền, phổ biến pháp luật).

Ngoài phân kinh phí được giao tại Điều 1, các đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ được giao còn lại tại Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND tỉnh và các Quyết định tuyên truyền, phổ biến pháp luật khác chủ động lồng ghép với các chương trình dự án khác, đồng thời cân đối trong dự toán đã giao năm 2014 (kinh phí không thường xuyên), nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu hợp pháp khác để triển khai thực hiện.

**Điều 2.** Thủ trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện phân kinh phí được phê duyệt theo đúng quy định tài chính hiện hành.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các đơn vị có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- CT, PCT;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, (Quế - 10.6)<sub>1/6</sub>

CHỦ TỊCH<sup>tu</sup>



Nguyễn Văn Trâm

**THUYẾT MINH CHI TIẾT KINH PHÍ PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP  
LUẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2014.**

(Kèm theo Công văn số 149/STC-HCSN ngày 04 tháng 6 năm 2014 của  
Sở Tài chính)

<b>1) Sở Tư pháp:</b>	<b>= 628.650.000đ</b>
a) Tổ chức hội nghị triển khai văn bản luật cấp tỉnh (6 lần):	= 60.000.000đ
- Tiền tài liệu:	
250 người x 30.000đ/bộ x 5 lần	= 37.500.000đ
- Tiền trang trí, thuê hội trường:	
2.000.000đ/lần x 5 lần:	= 10.000.000đ
- Tiền nước uống: 1.500.000đ/lần x 5 lần	= 7.500.000đ
- Tiền bồi dưỡng báo cáo viên:	
1.000.000đ/lần x 5 lần	= 5.000.000đ
b) Biên soạn cẩm nang nghiệp vụ cho Báo cáo viên pháp luật:	= 11.000.000đ
- Tiền biên soạn, biên tập tài liệu:	= 2.000.000đ
- Tiền in cuốn sách nghiệp vụ cấp cho Báo cáo viên:	
30.000đ/cuốn x 300 cuốn	= 9.000.000đ
c) Phát hành bản tin tư pháp hàng quý:	= 63.000.000đ
- Tiền bản tin:	
500 cuốn x 30.000đ/cuốn x 3 quý	= 45.000.000đ
- Tiền nhuận bút, biên tập:	
5.000.000đ/quý x 3 quý	= 15.000.000đ
- Bru phí: 1.000.000đ/quý x 3 quý	= 3.000.000đ
d) Kinh phí thực hiện đề án thanh thiếu niên:	= 32.000.000đ
- Biên soạn sách pháp luật phổ thông cho thanh thiếu niên:	
+ Tiền biên soạn:	= 2.000.000đ
+ Tiền in ấn: 30.000đ/cuốn x 1.000 cuốn	= 30.000.000đ
e) Kinh phí thực hiện Đề án phòng, chống tham nhũng:	= 41.000.000đ
- Biên soạn sách pháp luật phổ thông về phòng, chống tham nhũng:	
+ Biên soạn, biên tập:	= 2.000.000đ
+ In ấn: 30.000đ/cuốn x 1.000 cuốn	= 30.000.000đ
- In tờ rơi: 3.000đ/tờ x 3.000 tờ	= 9.000.000đ
f) Kinh phí hoạt động của Hội đồng phối hợp công tác PBGDPL tỉnh Bình Phước:	= 64.650.000đ

- Tổ chức họp Hội đồng PHCTPBGDPL tỉnh Bình Phước: Các phiên họp định kỳ, đột xuất (Dự kiến khoảng 3 kỳ họp/năm):	=	13.650.000đ
+ Hỗ trợ tiền ăn:		
100.000đ/người x 30 người x 3 lần	=	9.000.000đ
+ Tiền in tài liệu, văn phòng phẩm:		
25.000đ/bộ x 30 người x 3 lần	=	2.250.000đ
+ Tiền biên soạn tài liệu phục vụ các hoạt động của Hội đồng:		
500.000đ/lần x 3 lần	=	1.500.000đ
+ Tiền nước uống cho thành viên hội đồng:		
10.000đ/người x 30 người x 3 lần	=	900.000đ
- Kinh phí cho các hoạt động chỉ đạo, kiểm tra:	=	49.500.000đ
+ Tiền thuê xe:		
1.500.000đ/huyện, thị xã x 10 huyện, thị xã	=	15.000.000đ
+ Chi phí đi kiểm tra:		
100.000đ/ngày/người x 30 người x 10 ngày	=	30.000.000đ
+ Tài liệu, VPP: 450.000đ/huyện, thị x 10 huyện, thị	=	4.500.000đ
g) Phối hợp với Đài PT&TH thực hiện các chuyên mục tuyên truyền PBGDPL trên sóng Đài PT&TH:	=	90.000.000đ
30.000.000đ/quý x 3 quý	=	90.000.000đ
h) Phối hợp với Báo Bình Phước thực hiện các chuyên mục tuyên truyền PBGDPL trên báo hàng tuần:	=	45.000.000đ
15.000.000đ/quý x 3 quý	=	45.000.000đ
i) Hỗ trợ tư sách pháp luật cho xã, phường, thị trấn:	=	222.000.000đ
111 xã, phường, thị trấn x 2.000.000đ/xã, phường, thị trấn	=	222.000.000đ

**Tổng cộng: = 628.650.000đ**

**(Sáu trăm hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi ngàn đồng)**

*l*

<b>2) Ban Dân tộc:</b>	<b>= 113.000.000đ</b>
Tuyên truyền phổ biến pháp luật cho đồng bào dân tộc thiểu số:	
* Chi in ấn, phát hành tờ rơi:	= 18.000.000đ
+ Chi phí thu thập thông tin, tổng hợp chỉnh sửa, xây dựng thành tờ rơi:	= 3.000.000đ
+ Chi phí xuất bản, in ấn tờ rơi:	
5.000 tờ x 3.000đ/tờ	= 15.000.000đ
* Chi phí tập huấn, tuyên truyền:	= 93.000.000đ
a) Số lượng: 50 người/lớp x 5 lớp;	
b) Thành phần: Già làng, trưởng thôn, ấp là người dân tộc có uy tín;	
c) Thời gian: 01 ngày/lớp; tổ chức 06 lớp.	
d) Kinh phí:	
- Chi Giảng viên, Ban Tổ chức lớp:	= 2.500.000đ
+ Bồi dưỡng Báo cáo viên:	
500.000đ/buổi x 02 buổi/lớp	= 1.000.000đ
+ Chi thuê xe đưa đón Báo cáo viên, BTC lớp (Đồng Xoài – Các huyện):	
01 chuyến x 1.500.000đ/chuyến	= 1.500.000đ
- Chi in ấn tài liệu:	= 1.500.000đ
50 cuốn x 30.000đ/cuốn	= 1.500.000đ
- Chi đào tạo, quản lý lớp:	= 2.500.000đ
+ Thuê hội trường, điện, nước, dụng cụ giảng dạy, trông xe:	
1.000.000đ/ngày x 1 ngày	= 1.000.000đ
+ Trang trí hội trường, băng rôn, khẩu hiệu:	= 1.000.000đ
+ Nước uống phục vụ lớp:	
50 người x 01 ngày x 10.000đ/ngày	= 500.000đ
- Chi hỗ trợ ăn, nghỉ, đi lại cho học viên (Các đối tượng: Già làng, trưởng thôn, trưởng ấp là người dân tộc có uy tín không hưởng lương từ ngân sách):	= 9.000.000đ
+ Hỗ trợ ăn, nghỉ:	
50 người x 01 ngày x 70.000đ/ngày/người	= 3.500.000đ
+ Hỗ trợ chi phí đi lại:	
50 người x 100.000đ/người	= 5.000.000đ
- Văn phòng phẩm (Bìa sominút, tập, viết):	= 500.000đ
<b>Tổng cộng: 15.500.000đ/lớp x 6 lớp = 93.000.000đ</b>	
* Biên soạn tài liệu:	= 2.000.000đ
<b>Tổng cộng: = 113.000.000đ</b>	
<b>(Một trăm mười ba triệu đồng)</b>	

h

**3) Hội Nông dân tỉnh:**

= 75.350.000đ

\* Tổ chức tuyên truyền pháp luật, huy động sự tham gia của nông dân trong công tác tuyên truyền, phổ biến và vận động chấp hành pháp luật ở nông thôn (Tổ chức 01 ngày/lớp/huyện, thị) = 45.350.000đ

- In ấn tài liệu:

100 bộ x 20.000đ/bộ

= 2.000.000đ

- Thù lao tuyên truyền viên, báo cáo viên, cộng tác viên:

03 người x 200.000đ/người

= 600.000đ

- Xăng xe đưa rước báo cáo viên, Ban Tổ chức:

30 lít x 24.500đ/lít

= 735.000đ

- Nước uống:

= 200.000đ

- Thuê, âm thanh, trang trí hội trường:

= 1.000.000đ

Tổng cộng: 4.535.000đ/lớp x 10 lớp = 45.350.000đ

\* Xây dựng 03 câu lạc bộ "Nông dân với pháp luật" ở 03 cơ sở thường xảy ra điểm nóng: 03 câu lạc bộ x 10.000.000đ/câu lạc bộ = 30.000.000đ

**Tổng cộng: = 75.350.000đ**

**(Bảy mươi lăm triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng)**

R

4) Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh: = 81.900.000đ

\* Kinh phí nhân rộng mô hình tư vấn pháp luật lưu động:  
= 60.000.000đ

- Nội dung: Nhân rộng mô hình tư vấn về pháp luật, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em;

- Số lượng: 6 xã;

- Kinh phí:

+ Chi phí hỗ trợ tiền đi lại:

50.000 đ/người x 100 người = 5.000.000đ

+ Chi phí cho luật sư và tư vấn viên:

03 người x 500.000đ/người = 1.500.000đ

+ Tiền thuê, trang trí hội trường: = 1.000.000đ

+ Nước uống: = 500.000đ

+ Chi phí xăng xe đi tư vấn: = 1.000.000đ

+ In ấn tờ bướm, tờ rơi: 10.000đ/bộ x 100 bộ = 1.000.000đ

10.000.000đ/01 mô hình x 6 xã = 60.000.000đ

\* Tập huấn cho Báo cáo viên, tuyên truyền viên (Số lượng: 02 lớp, thời gian: 01 ngày/lớp, số lượng: 70 người/lớp): = 21.900.000đ

- Tài liệu: 30.000đ/bộ x 70 bộ = 2.100.000đ

- Hỗ trợ tiền ăn cho học viên:

70.000đ/người x 70 người x 1 ngày = 4.900.000đ

- Hỗ trợ tiền đi lại:

65 người x 50.000đ = 3.250.000đ

- Nước uống:

70 người x 01 ngày x 10.000đ/ngày = 700.000đ

Cộng: 10.950.000đ/lớp x 2 lớp = 21.900.000đ

**Tổng cộng: = 81.900.000đ**

**(Tám mươi một triệu, chín trăm ngàn đồng)**

la

**5) Tỉnh đoàn (Trung tâm hỗ trợ thanh niên công nhân):**

**= 135.000.000đ**

\* Tổ chức các hoạt động tuyên truyền pháp luật cho thanh niên công nhân tại các Khu công nghiệp (Số lượng: 10 lần, tại các khu nhà trọ 03 KCN Chơn Thành, Tân Thành, Minh Hưng)

- Thuê âm thanh, ánh sáng nhạc công: = 1.500.000đ
- Thuê sân khấu: = 1.000.000đ
- Phòng trang trí, dán công hơi = 1.000.000đ
- Băng rôn: 02 cái x 300.000đ/cái = 600.000đ
- Thuê ghế: 300 cái x 3.000đ/cái = 900.000đ
- Khung rạp: 5 cái x 200.000đ/cái = 1.000.000đ
- Thuê xe chở vật dụng = 2.000.000đ
- Nước uống: = 500.000đ
- Mua vật dụng tổ chức các phần thi tuyên truyền: = 1.000.000đ
- Quà tặng, giải thưởng phần thi tìm hiểu pháp luật, trò chơi: = 2.000.000đ
- Bồi dưỡng BTC, tư vấn, BGK, an ninh, giữ xe:  
10 người x 200.000đ/người = 2.000.000đ

Tổng cộng: 13.500.000đ x 10 lần = 135.000.000đ

**Tổng cộng: = 135.000.000đ**  
**(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)**



6) Ủy ban MTTQ VN tỉnh: = 65.340.000đ

a) Tổ chức tuyên truyền phổ biến pháp luật trực tiếp ở cơ sở:

= 11.600.000đ

- Xăng xe: 1.000.000đ/lần x 4 lần = 4.000.000đ

- Hỗ trợ tiền ăn: 4 người x 100.000đ/người x 4 đợt = 1.600.000đ

- Tờ rơi phát cho người tham dự:  
400 tờ/lần x 2.500đ/tờ x 4 lần = 4.000.000đ

- Báo cáo viên: 500.000đ/buổi x 4 buổi = 2.000.000đ

b) Tổ chức tập huấn tuyên truyền phổ biến pháp luật (thực hiện lồng ghép với đề án thanh thiếu niên và đề án phòng chống tham nhũng):

- Trang trí = 500.000đ

- Nước uống:  
150 người x 10.000đ/người x 1 ngày = 1.500.000đ

- Biên soạn đề cương: = 1.000.000đ

- Hỗ trợ tiền nghỉ, xăng xe: 111 người x 100.000đ/người = 11.100.000đ

- Báo cáo viên: = 1.000.000đ

- Tiền ăn:  
70.000đ/ngày/người x 01 ngày x 111 người = 7.770.000đ

- Chi phí quản lý lớp, bảo vệ, giữ xe: = 1.000.000đ

- In ấn tài liệu: 150 bộ x 20.000đ/bộ = 3.000.000đ

Tổng cộng: 26.870.000đ x 02 lớp = 53.740.000đ

Tổng cộng: = 65.340.000đ

(Sáu mươi lăm triệu, ba trăm bốn mươi ngàn đồng)

7) Sở Thông tin và Truyền thông: = 240.700.000đ

I/ Kinh phí thực hiện Kiểm tra, giám sát đề án (Quyết định số 306/QĐ-UBND ngày 14/02/2014 của UBND tỉnh; Quyết định 264/QĐ-UBND ngày 21/02/2013 của UBND tỉnh; Kế hoạch số 59/KH-UBND ngày 24/5/2011 của UBND tỉnh):

30.000.000đ

II/ Kinh phí tuyên truyền phòng, chống tệ nạn mại dâm trên địa bàn tỉnh Bình Phước năm 2014 (Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 26/7/2011):

1/ Kinh phí khảo sát: 5.850.000đ

- Nhiên liệu đi khảo sát tại các huyện (3 huyện, 1 ngày/huyện):

3 ngày x 1.500.000đ/ngày = 4.500.000đ

- Công tác phí cho cán bộ đi khảo sát (3 người/huyện):

9 người x 150.000đ/người = 1.350.000đ

2/ Kinh phí xây dựng chuyên mục mới tuyên truyền về phòng chống tệ nạn mại dâm và thường xuyên cập nhật các thông tin, văn bản về đường lối, chủ trương, chính sách pháp luật liên quan đến Website của sở: 26.500.000đ

3/ Kinh phí phát hành tờ rơi tuyên truyền: 40.850.000đ

- Tiền biên soạn: 2.000.000đ

- Tiền in ấn, phát hành (Phát hành đến 111 xã):

22.200 tờ x 1.000đ/tờ = 22.200.000đ

- Chi phí phân phối tài liệu xuống cơ sở:

111 người x 150.000đ/người = 16.650.000đ

4/ Kinh phí tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ tuyên truyền về phòng chống tệ nạn mại dâm cho cộng tác viên, những người làm công tác thông tin, truyền thông từ tỉnh đến cơ sở: 13.800.000đ

- Tài liệu cho học viên: 200 cuốn x 25.000đ/cuốn = 5.000.000đ

- Tiền biên soạn tài liệu: 2.000.000đ

- Tiền trang trí + maket lớp học: 1.000.000đ

- Tiền thuê hội trường: 2 ngày x 1.000.000đ/ngày = 2.000.000đ

- Nước uống: 2 ngày x 700.000đ/ngày = 1.400.000đ

- Thù lao giảng viên: 2 ngày x 1.000.000đ/ngày = 2.000.000đ

- Thù lao trợ giảng: 2 ngày x 200.000đ/ngày = 400.000đ

5/ Phối hợp với Đài phát thanh truyền hình xây dựng nội dung thông tin tuyên truyền trên sóng phát thanh truyền hình, xuất bản, phát hành đĩa CD đến các trạm, loa truyền thanh tại các xã, phường, thị trấn và thôn, ấp trên địa bàn tỉnh:

16.400.000đ

- Ban biên tập:

2.000.000đ

h

- Chuẩn bị nội dung:		2.000.000đ
- Kinh phí cho chỉ đạo, thư kí: 200.000đ/người x 02 người	=	400.000đ
- Ghi đĩa và phát hành: 240 đĩa x 50.000đ/đĩa	=	12.000.000đ
6/ Phối hợp với các cơ quan báo chí in, điện tử xây dựng chuyên trang tuyên truyền:		74.400.000đ
- Chuẩn bị nội dung hình ảnh:		
3.000.000đ/bài, ảnh x 4 bài, ảnh	=	12.000.000đ
- Chuyên trang trên báo chí (Báo Bình Phước, Tạp chí KHTĐ, Tạp chí văn nghệ): 4 chuyên trang x 15.000.000đ/chuyên trang	=	60.000.000đ
- Thành viên xây dựng chuyên trang:		
12 người x 200.000đ/người	=	2.400.000đ
7/ Hội nghị chia sẻ thông tin về công tác tuyên truyền phòng, chống tệ nạn mại dâm:		10.400.000đ
- Thư mời đại biểu: 200 thư x 5.000đ/thư	=	1.000.000đ
- Gọi điện, Fax xác nhận: 2 đợt x 200.000đ/đợt	=	400.000đ
- Trang trí hội trường:		1.000.000đ
- Nước uống cho đại biểu: 200 chai x 7.000đ/chai	=	1.400.000đ
- Tài liệu cho đại biểu, khách mời:		
200 bộ x 25.000đ/bộ	=	5.000.000đ
- Hoa tươi để bàn: 5 đĩa x 200.000đ/đĩa	=	1.000.000đ
- Chi phục vụ hội nghị: 04 người x 150.000đ/người	=	600.000đ
8/ Kinh phí kiểm tra giám sát:		22.500.000đ

**Tổng cộng: 240.700.000đ**

**(Hai trăm bốn mươi triệu, bảy trăm ngàn đồng)**

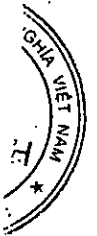


**8) Sở Tài nguyên và Môi trường: = 37.700.000đ**

\* Tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về đất đai năm 2014 (đối tượng: là CBCC liên quan đến công tác quản lý về đất đai trên toàn tỉnh, số lượng: 400 người, thời gian: 02 ngày):

- Thuê hội trường, trang trí : = 2.500.000đ
- Mua tài liệu : 400 cuốn x 50.000 đ/cuốn = 20.000.000đ
- Thù lao giảng viên : = 1.000.000đ
- Nước uống : 400 người x 10.000 đ/người = 4.000.000đ
- Vé máy bay đưa rước giảng viên từ Hà Nội: = 7.000.000đ
- Xe đưa, đón giảng viên từ Sài Gòn về Đồng Xoài : = 2.000.000đ
- Tiền nghỉ giảng viên : 250.000 đ/ngày x 2 ngày = 500.000đ
- Tiền ăn giảng viên : 150.000 đ/ngày x 2 ngày = 300.000đ
- Quản lý lớp học, giữ xe : = 400.000đ

**Tổng cộng: = 37.700.000đ**  
**(Ba mươi bảy triệu, bảy trăm ngàn đồng)**



**9) Đài Phát thanh và Truyền hình:**

**I. Tọa đàm, đối thoại với Thanh niên (theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND):**

1. Thời lượng chương trình: 45 phút/chương trình
2. Số lượng chương trình: 9 kỳ, 1 kỳ/tháng
3. Thời gian thực hiện: từ tháng 4/2014 – 12/2014.
4. Kinh phí: 90.000.000đ  
 $10.000.000đ/kỳ \times 9 kỳ = 90.000.000đ$

**II. Chương trình truyền hình với chủ đề “Thanh niên Bình Phước” (theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND):**

1. Thời lượng chương trình: 15 phút/chương trình
2. Số lượng chương trình: 18 kỳ, 2 kỳ/tháng
3. Thời gian thực hiện: từ tháng 4/2014 – 12/2014.
4. Kinh phí: 106.920.000đ  
 $5.940.000đ/kỳ \times 18 kỳ = 106.920.000đ$

**III. Chương trình phát thanh với chủ đề “Thanh niên Bình Phước” (Theo Quyết định số 1208/QĐ-UBND):**

1. Thời lượng chương trình: 15 phút/chương trình
2. Số lượng chương trình: 18 kỳ, 2 kỳ/tháng
3. Thời gian thực hiện: từ tháng 4/2014 – 12/2014.
4. Kinh phí: 9.000.000đ  
 $500.000đ/kỳ \times 18 kỳ = 9.000.000đ$

**IV. Đưa tin, phóng sự, thời sự tuyên truyền phổ biến pháp luật (theo Quyết định số 306/QĐ-UBND):**

1. Thời lượng chương trình: 2 - 3 phút/phóng sự
2. Số lượng chương trình: 60 tin tức, 20 phóng sự
3. Thời gian thực hiện: từ tháng 4/2014 – 12/2014.
4. Kinh phí: 28.000.000đ
  - Tin tức:  $300.000đ/tin \times 60 tin = 18.000.000đ$
  - Phóng sự:  $1.000.000đ/phóng\ sự \times 10\ phóng\ sự = 10.000.000đ$

**V. Chuyên đề Nhà nước và Công dân (theo Quyết định số 306/QĐ-UBND):**

1. Thời lượng chương trình: 15 phút/chương trình

*k*

2. Số lượng chương trình: 9 kỳ, 1 kỳ/tháng
3. Thời gian thực hiện: từ tháng 4/2014 – 12/2014.
4. Kinh phí: 53.460.000đ  
 $5.940.000đ/kỳ \times 9 kỳ$  = 53.460.000đ

**VI. Chương trình “Dân hỏi, Giám đốc Sở trả lời” (theo Công văn số 3665/UBND-VX):**

1. Thời lượng chương trình: 5 – 7 phút/chương trình
2. Số lượng chương trình: 12 chương trình truyền hình và 12 chương trình phát thanh.

3. Thời gian thực hiện: 1 kỳ/ tháng, từ tháng 1/2014 – 12/2014.

4. Kinh phí: 112.000.000đ

- Chương trình truyền hình (bao gồm khách mời, cố vấn):  
 $8.000.000đ/chương\ trình \times 12\ kỳ$  = 96.000.000đ

- Chương trình phát thanh:  
 $500.000đ/kỳ \times 12\ kỳ$  = 6.000.000đ

**Tổng cộng: = 399.380.000đ**

**(Ba trăm chín mươi chín triệu, ba trăm tám mươi ngàn đồng)**

<b>10) Ban quản lý khu kinh tế:</b>	<b>97.905.000 đ</b>
1/ Kinh phí điều tra, khảo sát nhu cầu tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người sử dụng lao động và người lao động tại 06 Khu công nghiệp và 01 khu kinh tế cửa khẩu:	7.885.000 đ
- Văn phòng phẩm:	1.000.000 đ
- Nhiên liệu đi điều tra: 150 lít x 24.900đ/lít	= 3.735.000 đ
- Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ tham gia: 03 người x 150.000đ/người/ngày x 07 ngày	= 3.150.000 đ
2/ Kinh phí tuyên truyền, phổ biến pháp luật cho người sử dụng lao động và người lao động tại 06 Khu công nghiệp và 01 khu kinh tế cửa khẩu:	90.020.000 đ
- Tiền thuê hội trường, trang trí hội trường :	7.000.000 đ
- Tiền phô tô tài liệu, văn phòng phẩm: 5.000 đ/bộ x 1.000 bộ	= 5.000.000 đ
- Tiền xây dựng 02 đề cương chi tiết cho báo cáo viên:	1.000.000 đ
- Tiền dịch tài liệu từ tiếng Việt Nam sang tiếng Anh, tiếng Hàn, Tiếng Trung và tiếng Nhật: 150.000 đ/trang x 30 trang/1bộ x 04 bộ	= 18.000.000 đ
- Tiền thuê phiên dịch: 1.200.000 đ/ngày x 03 ngày	= 3.600.000 đ
- Tiền thù lao báo cáo viên: 400.000 đ/người/buổi x 7 buổi	= 2.800.000 đ
- Tiền nhiên liệu, vé cầu đường (7 ngày đi và về tại Lộc Ninh, Chơn Thành, Đồng Phú): 300 lít x 24.900 đ/lít	= 7.470.000 đ
- Hỗ trợ tiền ăn cho cán bộ tham gia: 03 người x 150.000 đ/người/ngày x 07 ngày	= 3.150.000 đ
- Tiền nước uống, ăn nhẹ giữa buổi cho công nhân: 07 ngày x 5.000 đ/ngày/người x 1.000 người	= 35.000.000 đ
- Chi khác 7 ngày (phục vụ, giữ xe, băng rôn, bồi dưỡng phóng viên ..):	7.000.000 đ

**Tổng cộng: = 97.905.000đ**  
**(Chín mươi bảy triệu, chín trăm lẻ năm ngàn đồng)**



**11) Sở Lao động TB&XH:**

**1. In tờ rơi và sổ tay cấp cho doanh nghiệp trên địa bàn quản lý:**

**75.000.000 đ**

- Sổ tay pháp luật (1 DN 01 cuốn):

1.000 cuốn x 15.000 đ/cuốn = 15.000.000 đ

- In tờ rơi phát người lao động:

40.000 tờ x 1.500 đ/tờ = 60.000.000 đ

**2. Hội nghị triển khai các Bộ luật:**

**21.200.000 đ**

- Tiền thuê hội trường, trang trí:

1.500.000 đ/ngày x 1 ngày/đợt x 4 đợt = 6.000.000 đ

- Nước uống:

8.000.000 đ

- Tiền báo cáo viên cấp tỉnh:

400.000 đ/buổi x 8 buổi = 3.200.000 đ

- Chi khác (giữ xe, phục vụ ...):

4.000.000 đ

**3. Kiểm tra giám sát của Ban chỉ đạo:**

**7.980.000 đ**

- Tiền xăng: 200 lít x 24.900 đ/lít

= 4.980.000 đ

- Tiền công tác phí:

5 người x 150.000 đ/người/ngày x 4 ngày = 3.000.000 đ

**Tổng cộng: = 104.180.000 đ**

**(Một trăm lẻ bốn triệu, một trăm tám mươi ngàn đồng)**

*h*



**12) Sở Giáo dục và Đào tạo:**

**I/ Kinh phí thực hiện chiến lược phòng chống tác hại của thuốc lá đến năm 2020 và triển khai Chỉ thị số 18/2013/CT-UBND :** 90.846.000đ

1. Kinh phí tập huấn, tuyên truyền: 32.650.000đ

a. Số lượng: 892 người/ 5 hội nghị.

b. Thời gian: 1 ngày/hội nghị.

c. Kinh phí:

- Thuê hội trường: 1.500.000đ/ngày x 1 ngày = 1.500.000đ

- Ban tổ chức: 9 người x 1 ngày x 70.000đ = 630.000đ

- Báo cáo viên: 1.000.000đ/ngày x 1 ngày = 1.000.000đ

- Hỗ trợ tiền ăn báo cáo viên:  
6 người x 100.000đ/người x 1 ngày = 600.000đ

- Nước uống: 2.000.000đ

- Trang trí, băng rôn, khẩu hiệu: 800.000đ

**Tổng cộng: 6.530.000đ/lớp x 5 hội nghị = 32.650.000đ**

2: Chi in ấn tài liệu: 38.000đ/cuốn x 892 cuốn = 33.896.000đ

4. Tiền đề cương: 2.000.000đ

5. Pano: 50.000đ/pano x 446 trường = 22.300.000đ

**II/ Kinh phí thực hiện đề án “Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức pháp luật cho thanh, thiếu niên giai đoạn 2012-2015”:** 54.880.000đ

**\* Cuộc thi sân khấu hóa: 3 ngày/huyện/đợt**

- Ban tổ chức:  
9 người x 3 ngày/đợt x 70.000đ = 1.890.000đ

- Ban giám khảo:  
7 người x 150.000đ x 3 ngày/đợt = 3.150.000đ

- Nước uống: 500.000đ

- Văn phòng phẩm: 500.000đ

- Thuê âm hội trường, âm thanh:  
2.500.000đ/ngày x 3 ngày = 7.500.000đ

- Trang trí: 500.000đ

- Ra đề: 2 đề x 250.000đ/đề = 500.000đ

- Kịch bản, dẫn chương trình: 500.000đ

- Thuê chuồng: 100.000đ/ngày x 3 ngày = 300.000đ

- Tiền thuê xe: 2.500.000đ

**\* Tiền ăn ban tổ chức:**  
9 người x 3 ngày/đợt x 100.000đ = 2.700.000đ

**\* Hỗ trợ tiền nghỉ:**

*Handwritten mark*

9 người x 2 đêm x 200.000đ	=	3.600.000đ
- Khen thưởng:		
+ Giải nhất: 1 tập thể x 1.500.000đ	=	1.500.000đ
+ Giải nhì: 1 tập thể x 1.000.000đ	=	1.000.000đ
+ Giải ba: 1 tập thể x 800.000đ	=	800.000đ
<b>Tổng cộng: 27.440.000đ/đợt x 2 đợt</b>	<b>=</b>	<b>54.880.000đ</b>

**III/ Kinh phí thực hiện đề án “tuyên truyền phổ biến pháp luật về phòng chống tham nhũng năm 2014”:** **12.091.000đ**

a. Số lượng: 91 người.

b. Thời gian: 1 ngày.

c. Kinh phí:

- Trang trí, thuê hội trường:		2.000.000đ
- Tài liệu: 61.000đ/bộ x 91 bộ	=	5.551.000đ
- Ban tổ chức: 9 người x 1 ngày x 70.000đ	=	630.000đ
- Báo cáo viên: 1.000.000đ/ngày x 1 ngày	=	1.000.000đ
- Tiền đề cương:		2.000.000đ
- Nước uống: 91 người x 10.000đ/ngày x 1 ngày	=	910.000đ

**Tổng cộng: = 157.817.000đ**

(Một trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm mười bảy ngàn đồng)

*h*

<b>14) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:</b>	<b>= 179.000.000đ</b>
a) Tổ chức hội nghị tập huấn tuyên truyền phổ biến pháp luật cho cán bộ, CCVC, người lao động ngành (Số lượng: 01 lớp, 50 người/lớp, thời gian: 01 ngày/lớp):	= 4.000.000đ
- Pho to tài liệu, VPP cho học viên: 50 bộ x 30.000đ/bộ	= 1.500.000đ
- Bồi dưỡng Báo cáo viên:	= 1.000.000đ
- Trang trí hội trường, băng rôn, khẩu hiệu:	= 1.000.000đ
- Nước uống:	= 500.000đ
b) Tổ chức tập huấn cho cán bộ huyện, xã, thôn (Số lượng: 20 lớp, 55 người/lớp, 01 ngày/lớp):	= 126.000.000đ
- Photo tài liệu cho học viên: 55 bộ/lớp x 20 lớp x 20.000đ/bộ	= 22.000.000đ
- Báo cáo viên: 500.000đ/lớp x 20 lớp	= 10.000.000đ
- Hỗ trợ ăn, nghỉ cho đối tượng không hưởng lương: 50 người/lớp x 20 lớp x 50.000đ/ngày	= 50.000.000đ
- Hỗ trợ BTC: 01 người x 100.000đ x 20 lớp	= 2.000.000đ
- Trang trí hội trường, băng rôn, khẩu hiệu: 300.000đ/lớp x 20 lớp	= 6.000.000đ
- Thuê hội trường, dụng cụ giảng dạy: 20 lớp x 500.000đ/lớp	= 10.000.000đ
- Nước uống: 55 người/lớp x 20 lớp x 10.000đ/người	= 11.000.000đ
- Xăng xe đưa đón BTC, Báo cáo viên: 30 lít/lớp x 20 lớp x 25.000đ/lít	= 15.000.000đ
c) In, phát hành tờ rơi phổ biến kiến thức pháp luật cho người dân nông thôn: 10.000 tờ x 1.500đ/tờ	= 15.000.000đ
d) Sơ kết hoạt động thực hiện tiêu đề án 1 giai đoạn 2012-2014:	= 34.000.000đ
- Pho to tài liệu, VPP: 300 bộ x 15.000đ/bộ	= 4.500.000đ
- Nước uống: 300 người x 10.000đ/người	= 3.000.000đ
- Hỗ trợ tiền ăn, xăng xe đại biểu không hưởng lương: 250 người x 100.000đ/người	= 25.000.000đ
- Chi trang trí hội trường, băng rôn, khẩu hiệu:	= 1.000.000đ
- Thuê hội trường, loa đài	= 500.000đ
<b>Tổng cộng:</b>	<b>= 179.000.000đ</b>
<b>(Một trăm bảy mươi chín triệu đồng)</b>	

<b>13) Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch:</b>	=	<b>25.800.000đ</b>
a) Kinh phí tổ chức hội nghị triển khai văn bản QPPL:	=	11.400.000đ
- Trang trí hội trường:		
300.000đ/tháng x 6 tháng	=	1.800.000đ
- In ấn, photo tài liệu:		
60 bộ/tháng x 10.000đ/bộ x 6 tháng	=	3.600.000đ
- Nước uống cho đại biểu:		
60 người/tháng x 10.000đ/người x 6 tháng	=	3.600.000đ
- Báo cáo viên:		
200.000đ/người x 2 người/tháng x 6 tháng	=	2.400.000đ
b) Tổ chức hội thi tìm hiểu văn bản quy phạm pháp luật:	=	14.400.000đ
- Hỗ trợ BTC: 1.000.000đ/hội thi x 3 hội thi	=	3.000.000đ
- Ra đề và chấm bài thi: 2.000.000đ/hội thi x 3 hội thi	=	6.000.000đ
- Giải thưởng:		
+ 01 Giải nhất x 500.000đ/hội thi x 3 hội thi	=	1.500.000đ
+ 01 Giải nhì x 400.000đ/giải x 3 hội thi	=	1.200.000đ
+ 01 giải ba x 250.000đ/giải x 3 hội thi	=	750.000đ
+ 01 giải khuyến khích x 150.000đ/giải x 3 hội thi	=	450.000đ
- In ấn, photo tài liệu hội thi:		
3 hội thi x 500.000đ/hội thi	=	1.500.000đ

**Tổng cộng: = 25.800.000đ**  
**(Hai mươi lăm triệu, tám trăm ngàn đồng)**

*kl*

